

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

Số: 1004/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu**

#### **GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

*Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

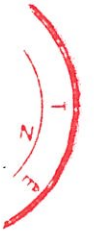
VIỆN  
DƯỢC  
TRUYỀN  
VIỆT  
NAM

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:

MÔN:.....

### 1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: .....

\* Tiếng Anh: .....

- Mã học phần/ mô đun: .....

- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết

+ Lý thuyết: .... tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: .....

+ Học phần học trước: .....

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

### 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1				
MT2				
...				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1									
CLO2									
CLO3									
....									

#### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

### **8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHIỆP ĐƯỢC Ở VIỆT NAM 1. Vai trò của các văn bản pháp lý 2. Những vấn đề chung về pháp luật 3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta	1/0/2	...	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 1 (3 tiết)	...	4/0/7					
Buổi 2 (1 tiết)	.....						

.....									
	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết							KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<p><b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu</p> <p>1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN</p> <p>2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết</p>	8/0/0/8	<p>1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa được theo ATC</p> <p>2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa được theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc</p>	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>5. Thuyết trình slide, phân biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>	Đánh giá cho điểm bài 1



yếu	theo ABC					
...						
Thi hết thực hành/làm sàng:	4,0 tiết					
Chấm hợp điểm các bài						KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3				
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>

				- Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	- Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	--	---	--	--	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm** với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

### 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

#### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

#### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

#### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**

**MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: .....

\* Tiếng Anh: .....

- Mã học phần/ mô đun: .....

- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết

+ Lý thuyết: .... tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: .....

+ Học phần học trước: .....

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

**3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)**



Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1				
MT2				
...				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO1													
CLO2													
CLO3													
....													

#### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

##### 6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
-----	---

1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

### 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	<p>Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ DƯỢC Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Vai trò của các văn bản pháp lý</p> <p>2. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta</p>	1/0/2	...	CLO1 CLO3	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 1 (3 tiết)	Chương 2. ....	4/0/7					
Buổi 2 (1 tiết)	.....						

.....									
Thi kết thúc học phần	0,5 tiết								KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Bài 1: Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu  1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN  2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết	8/0/0/8	1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa được theo ATC 2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa được theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1

	yếu		theo ABC				
...	....						
Thi hết thực hành/làm sàng:	4,0 tiết						
Chấm hợp điểm các bài							KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

**Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cầu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ					
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>					

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--	--	--



### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm** với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

### 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**

**MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: .....

\* Tiếng Anh: .....

- Mã học phần/ mô đun: .....

- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết

+ Lý thuyết: .... tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: .....

+ Học phần học trước: .....

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

**3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)**

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			
...			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1							
CLO2							
CLO3							
....							

#### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
-----	---

1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ DƯỢC Ở VIỆT NAM 1. Vai trò của các văn bản pháp lý 2. Những vấn đề chung về pháp luật 3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta	1/0/2	...	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 1 (3 tiết)  Buổi 2 (1 tiết)	Chương 2. ....  ...  .....	4/0/7					

.....									
	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết							KTHP

**8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

**Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra**

**Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar**

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu  1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN  2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết	8/0/0/8	1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa dược theo ATC  2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa dược theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projector	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1



yếu		theo ABC					
...							
Thi hết thực hành/làm sáng: Chấm hợp điểm các bài	4,0 tiết						KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	CLO3	10%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	CLO3	15%	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	--	--	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

### 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**  
**MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: .....
- \* Tiếng Anh: .....
- Mã học phần/ mô đun: .....
- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: .... tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết
  - + Thời gian tự học: ..... tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		



### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			
...			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1							
CLO2							
CLO3							
....							

### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

#### 6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt quy trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

### 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHIỆP DƯỚI Ở VIỆT NAM 1. Vai trò của các văn bản pháp lý 2. Những vấn đề chung về pháp luật 3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta	1/0/2	...	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 1 (3 tiết)  Buổi 2 (1 tiết)	Chương 2. ....  ...  .....	4/0/7					

.....									
Thi kết thúc học phần	0,5 tiết								KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu  1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN  2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết	8/0/0/8	1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa được theo ATC  2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa được theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1

Yếu		theo ABC				
...						
Thi hết thực hành/làm sáng:			4,0 tiết			
Chấm hợp điểm các bài						KTTH

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	

				- Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	- Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	--	---	--	--	--



### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5)

## 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**  
**MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: .....
- \* Tiếng Anh: .....
- Mã học phần/ mô đun: .....
- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: .... tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết
  - + Thời gian tự học: ..... tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ nội trú
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	---	--	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1								
CLO2								
CLO3								
....								

### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	<p>Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ DƯỢC Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Vai trò của các văn bản pháp lý</p> <p>2. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta</p>	1/0/2	...	CLO1 CLO3	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 1 (3 tiết)	Chương 2. ....	4/0/7					
Buổi 2 (1 tiết)	.....						

.....									
Thi kết thúc học phần		0,5 tiết							KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu  1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN  2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết	8/0/0/8	1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa được theo ATC  2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa được theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projector	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1



yếu									
...									
Thi hết thực hành/làm sáng: Chấm hợp điểm các bài			4,0 tiết						KTTH

**9. Phương pháp đánh giá học phần**

**9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

**9.2. Rubric:**

**Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung môn chuyên đúng, theo trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>
--	--	--	--	--	---	---	--	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành**

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn - (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

### 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**  
**MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: .....
- \* Tiếng Anh: .....
- Mã học phần/ mô đun: .....
- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: .... tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết
  - + Thời gian tự học: ..... tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Tiến sĩ
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			



4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	---	--	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1							
CLO2							
CLO3							
....							

### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

### 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ DƯỢC Ở VIỆT NAM 1. Vai trò của các văn bản pháp lý 2. Những vấn đề chung về pháp luật 3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta	1/0/2	...	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 1 (3 tiết)  Buổi 2 (1 tiết)	Chương 2. ....  ...  .....	4/0/7					

.....									
Thi kết thúc học phần	0,5 tiết								KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<p><b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu</p> <p>1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN</p> <p>2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết</p>	8/0/0/8	<p>1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa được theo ATC</p> <p>2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa được theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc</p>	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích tình huống tích tình theo nhóm</p> <p>5. Thuyết trình slide, phân biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>	Đánh giá cho điểm bài 1

...									
Thi hết thực hành/làm sàng:									
Chấm hợp điểm các bài			4,0 tiết						KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%		Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	
	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 1	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết được; Bố cục chưa chặt chẽ; mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	100%
		CLO 2						

**Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)**

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn trích dẫn bảo đảm trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	CLO3	10%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	CLO3	15%	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành</li> </ul>	





### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm** với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

**Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

**Ví dụ:**

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

### 10. Tài liệu học tập

#### 10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

#### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*  
**BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:  
MÔN:.....**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: .....
- \* Tiếng Anh: .....
- Mã học phần/ mô đun: .....
- Số tín chỉ: .... LT/..... TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: .... tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: .... tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết
  - + Thời gian tự học: ..... tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<b>Bắt buộc</b> <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	---	--	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	
MT2	
...	

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	
CLO2	
CLO3	
...	...

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1								
CLO2								
CLO3								
....								

### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

.....

### 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

#### 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	<p>Chương 1. HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ DƯỢC Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Vai trò của các văn bản pháp lý</p> <p>2. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>3. Hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước ta</p>	1/0/2	...	CLO1 CLO3	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 1 (3 tiết)	Chương 2. ....	4/0/7					
Buổi 2 (1 tiết)	.....						

.....									
Thi kết thúc học phần	0,5 tiết								KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	<b>Bài 1:</b> Phân loại thuốc theo ATC, VEN, Danh mục thuốc thiết yếu  1. Phân loại thuốc theo ATC, VEN  2. Danh mục thuốc sử dụng và Danh mục thuốc thiết	8/0/0/8	1. Vận dụng được kiến thức về phân loại thuốc và ICD-10 để phân loại các loại thuốc hóa dược theo ATC  2. Xây dựng được danh mục thuốc hóa dược theo ma trận ABC/VEN và bảng danh mục vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1



Yêu	theo ABC					
...						
Thi hết thực hành/làm sàng: Chấm hợp điểm các bài	4,0 tiết					KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình vượt thời lượng</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Không giám sát thành viên</li> </ul>		



### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC) **(Các tài liệu tham khảo phải có trong danh mục của thư viện học viện YDHCT VN)**

[1]. Bộ Y tế (2013), *Pháp chế dược*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2022), *Pháp chế dược hiện hành*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (Phụ chương PHÁP CHẾ DƯỢC).

[3] Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược (2012). *Tài liệu thực tập Quản lý và Kinh tế dược*. Trường đại học dược Hà Nội (phụ trương: 03 bài thực tập mới).

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ- CP, Nghị định 131/2020/NĐ-CP trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[2] Các thông tư về Tổ chức khoa dược bệnh viện (năm 2011), GPs, GACP, Các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, danh mục thuốc độc, thuốc kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt, thuốc không kê đơn...(giai đoạn 2016- nay) trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>

[3] Nghị định 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật liên quan tới Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

[4] Hoàng Ngọc Hùng, *Quản lý chất lượng thuốc*, Nhà xuất bản Y học, 2005.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
  - ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
  - ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>